

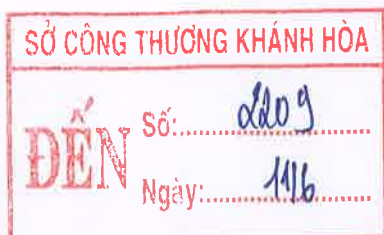
UBND TỈNH KHÁNH HÒA
CÔNG TY TNHH XNK&ĐT
AN NGUYỄN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /AN-20

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 06 năm 2020

V/v Công Bố sản phẩm



Kính Gửi: Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, Công ty TNHH xuất nhập khẩu và đầu tư An Nguyễn nộp hồ sơ tự công bố sản phẩm như sau:

- 1./ SỮA HẠNH NHÂN KIRKLAND SIGNATURE ORGANIC VANILLA ALMOND BEVERAGE.
- 2/ SỮA HẠNH NHÂN KIRKLAND SIGNATURE ALMOND NON-DAIRY BEVERAGE, UNSWEETEND
- 3/ SỮA YẾN MẠCH ORGANIC NON-DAIRY OAT BEVERAG.
- 4/ BỘT NÊM VỊ RAU CỦ KNOZZ SELECT SOUP BASE, VEGETABLE
- 5/ KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, ORIGINAL.
- 6/ KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, BUBBLEGUM.
- 7/ KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, WATERMELON TWIST.

Hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản tự công bố sản phẩm.

Công ty TNHH xuất nhập khẩu và đầu tư An Nguyễn hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ tự công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm đã công bố.

CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP
KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYỄN



TRẦN LÂM HOÀNG NGUYỄN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02 / TNCB-AN /2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyễn**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng, Phường Phước Tiến, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

Email: annnguyeninvestment@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201814817

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, ORIGINAL**

2. Thành phần: Sorbitol, gum base, xylitol, glycerin, hương vị tự nhiên và nhân tạo, ít hơn 2%: Acesulfame potassium, Aspartame, BHT (để duy trì độ tươi), Mannitol, lecithin đậu nành, Sucralose.

Phenylketonurics: chứa phenylalanine

Sản phẩm có chứa: đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong gói nhựa PE, bên ngoài hộp giấy quấn nilon, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.

- Quy cách đóng gói: 1.8g/thanh, 1.9g/thanh, 14 thanh/ gói, 12,14,15 gói/ hộp

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Mondelez Global LLC.

Địa chỉ: East Hanover, NJ 07936 USA.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

- Nhãn chính, nhãn phụ đính kèm hồ sơ

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản phẩm **KẸO CAO SŨ TRIDENT SUGAR FREE GUM, ORIGINAL** đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

+ *QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.*



+ QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

+ 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2	Coliforms	CFU/g	10
3	E.coli	CFU/g	3
4	S.aureus	CFU/g	10
5	Cl.perfringens	CFU/g	10
6	B.cereus	CFU/g	10
7	Tổng số nấm mốc - nấm men	CFU/g	10 ²
8	Cd	mg/kg	1,0
9	Pb	mg/kg	0,5
10	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0
11	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4,0

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Nha Trang, ngày 10. Tháng 06 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Lâm Hoàng Nguyễn

1. Các nội dung chính của báo cáo tài chính là gì?
 Báo cáo tài chính là một báo cáo tổng hợp về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định.

STT	Tên tài khoản	Đơn vị tính	Số dư đầu kỳ
1	Tổng tài sản	100	100
2	Tổng nợ	100	100
3	Tổng vốn chủ sở hữu	100	100
4	Tổng tài sản	100	100
5	Tổng nợ	100	100
6	Tổng vốn chủ sở hữu	100	100
7	Tổng tài sản	100	100
8	Tổng nợ	100	100
9	Tổng vốn chủ sở hữu	100	100
10	Tổng tài sản	100	100
11	Tổng nợ	100	100
12	Tổng vốn chủ sở hữu	100	100



Trong quá trình nghiên cứu và phân tích báo cáo tài chính, cần chú ý đến các nội dung sau đây để đánh giá đúng tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1. Các nội dung chính của báo cáo tài chính là gì?
 Báo cáo tài chính là một báo cáo tổng hợp về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định.



Trên đây là nội dung chính của báo cáo tài chính.



NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ

1. Tên sản phẩm: **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, ORIGINAL**
2. Thành phần cấu tạo: Sorbitol, gum base, xylitol, glycerin, hương vị tự nhiên và nhân tạo, ít hơn 2%: Acesulfame potassium, Aspartame, BHT (để duy trì độ tươi), Mannitol, lecithin đậu nành, Sucralose.
Phenylketonurics: chứa phenylalanine
. Sản phẩm có chứa: đậu nành
3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.
4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:
 - Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp sau khi mở bao bì
 - Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
5. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong giấy nhựa, bên ngoài hộp giấy quấn nilon, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế
 - Trọng lượng tịnh: 1.8g/thanh, 1.9g/thanh, 14 thanh/ gói, 12, 14, 15 gói/ hộp
6. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:
 - Xuất xứ: Hoa Kỳ
 - Sản xuất tại: Mondelez Global LLC.
 - Địa chỉ: East Hanover, NJ 07936 USA
 - Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyễn
Địa chỉ: 62 Phù Đổng, Phường Phước Tiến, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
Điện thoại: 0934901309

**BURSTING
WITH MORE
FLAVOR***

Trident

ORIGINAL FLAVOR

14 STICKS | SUGAR FREE GUM WITH XYLITOL

30% FEWER CALORIES THAN SUGARED GUM. CALORIE CONTENT OF THIS SIZE STICK HAS BEEN REDUCED FROM 5 TO 3 1/2 CALORIES.

Nutrition Facts	Amount/serving	% Daily Value	Amount/serving	% Daily Value
Total Fat 0g		0%	Total Sugars 0g	
Sodium 0mg		0%	Incl 0g Added Sugars	0%
Total Carb 1g		0%	Sugar Alcohol 1g	
			Protein 0g	

Calories per serving **<5** Not a significant source of saturated fat, *trans* fat, cholesterol, dietary fiber, vitamin D, calcium, iron, and potassium.

INGREDIENTS: SORBITOL, GUM BASE, XYLITOL, GLYCERIN, NATURAL AND ARTIFICIAL FLAVOR, LESS THAN 2% OF: ACESULFAME POTASSIUM, ASPARTAME, BHT (TO MAINTAIN FRESHNESS), MANNITOL, SOY LECITHIN, SUCRALOSE.

PHENYLALANINE: CONTAINS PHENYLALANINE (CONTAINS SOY).
 MONDELEZ GLOBAL LLC, EAST RANDER, NJ 07936 USA
www.tridentgum.com COMMENTS? CALL 1-800-524-2884

BEST BEFORE 12 MAY 2021 PK3231922 6



0 12546 01109 9



CHEWING TRIDENT GUM AFTER EATING AND DRINKING CLEANS AND PROTECTS TEETH. CHEWING TRIDENT GUM MAY HELP REDUCE THE RISK OF CAVITIES. *VS PRIOR TRIDENT FORMULA.



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 4862.20	Report date/ Ngày: 06-06-2020
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 1/ 2

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYỄN
 Address (Địa chỉ) : 62 Phù Đổng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
 Information provided by applicant : Kẹo cao su Trident Sugar Free Gum, Original
 (Thông tin được khách hàng cung cấp)
 Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt
 Seal No (Số niêm) : Không niêm
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
 Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 01-06-2020
 Sample tested on (Ngày phân tích) : 01-06-2020

Code/ Mã mẫu	Name/ Tên mẫu	Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
4862.20 /3	Kẹo cao su Trident Sugar Free Gum, Original	Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**)	ISO 4833-1:2013	CFU/g	-	<10
		Coliforms (**)	ISO 4832:2006	CFU/g	-	<10
		<i>E. coli</i> (**)	ISO 16649-2:2001	CFU/g	-	<10
		<i>Staphylococcus aureus</i> (**)	ISO 6888- 1:1999/Amd.1:2003	CFU/g	-	<10
		<i>Clostridium perfringens</i> (**)	ISO 7937:2004	CFU/g	-	<10
		<i>Bacillus cereus</i> (**)	ISO 7932:2004	CFU/g	-	<10
		Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (**)	ISO 21527-2:2008	CFU/g	-	<10
		Aflatoxin B1 (**)	TCVN 7596:2007	µg/kg	1.00	ND
		Aflatoxin tổng số (**)	TCVN 7596:2007	µg/kg	1.00	ND
		Cadimi (Cd) (**)	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND
		Chì (Pb) (**)	AOAC 999.11	mg/kg	0.016	ND

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 4862.20	Report date/ Ngày: 06-06-2020
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 2/ 2

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
- (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.*
- ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert*
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang



On behalf of NHO-QSCert
Đại diện NHO-QSCert



Hoàng Bá Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03 / TNCB-AN /2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng, Phường Phước Tiến, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

Email: annguyeninvestment@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201814817

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, BUBBLEGUM**

2. Thành phần: Sorbitol, gum base, xylitol, glycerin, hương vị tự nhiên và nhân tạo, ít hơn 2%: Acesulfame potassium, Aspartame, BHT (để duy trì độ tươi), Mannitol, lecithin đậu nành, Red 40 Lake, Sucralose.

Phenylketonurics: chứa phenylalanine

Sản phẩm có chứa: đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong gói nhựa PE, bên ngoài hộp giấy quấn nilon, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.

- Quy cách đóng gói: 1.8g/thanh, 1.9g/thanh, 14 thanh/ gói, 12,14,15 gói/ hộp

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Mondelez Global LLC.

Địa chỉ: East Hanover, NJ 07936 USA.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

- Nhãn chính, nhãn phụ đính kèm hồ sơ

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản phẩm **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, BUBBLEGUM** đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

+ *QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.*



+ QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

+ 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2	Coliforms	CFU/g	10
3	E.coli	CFU/g	3
4	S.aureus	CFU/g	10
5	Cl.perfringens	CFU/g	10
6	B.cereus	CFU/g	10
7	Tổng số nấm mốc - nấm men	CFU/g	10 ²
8	Cd	mg/kg	1,0
9	Pb	mg/kg	0,5
10	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0
11	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4,0

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Nha Trang, ngày 10. Tháng 06 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Lâm Hoàng Nguyên



1. The first part of the document is a list of names and their corresponding dates. The names are listed in the first column, and the dates are listed in the second column. The names are: John, Mary, Peter, Paul, James, and Robert. The dates are: 10/10, 10/11, 10/12, 10/13, 10/14, and 10/15.

Sl. No.	Name	Date
1	John	10/10
2	Mary	10/11
3	Peter	10/12
4	Paul	10/13
5	James	10/14
6	Robert	10/15

2. The second part of the document is a list of names and their corresponding dates. The names are listed in the first column, and the dates are listed in the second column. The names are: John, Mary, Peter, Paul, James, and Robert. The dates are: 10/10, 10/11, 10/12, 10/13, 10/14, and 10/15.

3. The third part of the document is a list of names and their corresponding dates. The names are listed in the first column, and the dates are listed in the second column. The names are: John, Mary, Peter, Paul, James, and Robert. The dates are: 10/10, 10/11, 10/12, 10/13, 10/14, and 10/15.



Handwritten signature or name at the bottom left of the page.



NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ

1. Tên sản phẩm: **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, BUBBLEGUM**

2. Thành phần cấu tạo: Sorbitol, gum base, xylitol, glycerin, hương vị tự nhiên và nhân tạo, ít hơn 2%: Acesulfame potassium, Aspartame, BHT (để duy trì độ tươi), Mannitol, lecithin đậu nành, Red 40 Lake, Sucralose.

Phenylketonurics: chứa phenylalanine

. Sản phẩm có chứa: đậu nành

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp sau khi mở bao bì
- Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong giấy nhựa, bên ngoài hộp giấy quấn nilon, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế

- Trọng lượng tịnh: 1.8g/thanh, 1.9g/thanh, 14 thanh/ gói, 12,14,15 gói/ hộp

6. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:

- Xuất xứ: Hoa Kỳ

Sản xuất tại: Mondelez Global LLC.

Địa chỉ: East Hanover, NJ 07936 USA

- Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyễn

Địa chỉ: 62 Phù Đổng, Phường Phước Tiến, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309



14 STICKS SUGAR FREE GUM WITH XYLITOL

BUBBLEGUM

30% FEWER CALORIES THAN SUGARED GUM. CALORIE CONTENT OF THIS SIZE STICK HAS BEEN REDUCED FROM 5 TO 3 1/2 CALORIES.

Nutrition Facts

14 servings per container
Serving size
1 stick (1.9g)

Calories <5
 per serving

Amount/serving	% Daily Value	Amount/serving	% Daily Value
Total Fat 0g	0%	Total Sugars 0g	
Sodium 0mg	0%	Incl 0g Added Sugars	0%
Total Carb 1g	0%	Sugar Alcohol 1g	
		Protein 0g	

Not a significant source of saturated fat, *trans* fat, cholesterol, dietary fiber, vitamin D, calcium, iron, and potassium.

INGREDIENTS: SORBITOL, GUM BASE, XYLITOL, GLYCERIN, LESS THAN 2% OF: ACESULFAME POTASSIUM, ASPARTAME, BHT (TO MAINTAIN FRESHNESS), MANNITOL, NATURAL AND ARTIFICIAL FLAVOR, RED 40 LAKE, SOY LECITHIN, SUCRALOSE.

PHENYLKETONURICS: CONTAINS PHENYLALANINE CONTAINS: SOY.

MONDELEZ GLOBAL LLC, EAST HANOVER, NJ 07936 USA
 www.tridentgum.com COMMENTS? CALL 1-800-524-2854

The ADA Council on Scientific Affairs' Acceptance of Trident is based on its finding that the physical action of chewing Trident sugar-free gum for 20 minutes after eating, stimulates saliva flow, which helps to prevent cavities by reducing plaque acids and strengthening teeth.

BEST BEFORE 22 JUL 2021 RK02920222 9



CHEWING TRIDENT GUM AFTER EATING AND DRINKING CLEANS AND PROTECTS TEETH. CHEWING TRIDENT GUM MAY HELP REDUCE THE RISK OF CAVITIES. *15 FROM TRIDENT FORMULA



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 4862.20	Report date/ Ngày: 06-06-2020
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 1/ 2

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYỄN
 Address (Địa chỉ) : 62 Phù Đổng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
 Information provided by applicant : Kẹo cao su Trident Sugar Free Gum, Bubblegum
 (Thông tin được khách hàng cung cấp)
 Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt
 Seal No (Số niêm) : Không niêm
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
 Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 01-06-2020
 Sample tested on (Ngày phân tích) : 01-06-2020

Code/ Mã mẫu	Name/ Tên mẫu	Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
4862.20 /2	Kẹo cao su Trident Sugar Free Gum, Bubblegum	Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**)	ISO 4833-1:2013	CFU/g	-	<10
		Coliforms (**)	ISO 4832:2006	CFU/g	-	<10
		<i>E. coli</i> (**)	ISO 16649-2:2001	CFU/g	-	<10
		<i>Staphylococcus aureus</i> (**)	ISO 6888- 1:1999/Amd.1:2003	CFU/g	-	<10
		<i>Clostridium perfringens</i> (**)	ISO 7937:2004	CFU/g	-	<10
		<i>Bacillus cereus</i> (**)	ISO 7932:2004	CFU/g	-	<10
		Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (**)	ISO 21527-2:2008	CFU/g	-	<10
		Aflatoxin B1 (**)	TCVN 7596:2007	µg/kg	1.00	ND
		Aflatoxin tổng số (**)	TCVN 7596:2007	µg/kg	1.00	ND
		Cadimi (Cd) (**)	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND
		Chì (Pb) (**)	AOAC 999.11	mg/kg	0.016	ND

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 4862.20	Report date/ Ngày: 06-06-2020
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 2/ 2

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
- (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.*
- ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert*
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert*

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO-QSCert

Đại diện NHO-QSCert



Hoàng Bá Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04 / TNCB-AN /2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng, Phường Phước Tiến, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

Email: annguyeninvestment@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201814817

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, WATERMELON TWIST**

2. Thành phần: Sorbitol, gum base, xylitol, glycerin, hương vị tự nhiên và nhân tạo, ít hơn 2%: Acesulfame potassium, Aspartame, BHT (để duy trì độ tươi), Mannitol, lecithin đậu nành, Red 40 Lake, Sucralose.

Phenylketonurics: chứa phenylalanine

Sản phẩm có chứa: đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong gói nhựa PE, bên ngoài hộp giấy quần nilon, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.

- Quy cách đóng gói: 1.8g/thanh, 14 thanh/ gói, 12,14,15 gói/ hộp

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Mondelez Global LLC.

Địa chỉ: East Hanover, NJ 07936 USA.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

- Nhãn chính, nhãn phụ đính kèm hồ sơ

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản phẩm **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, WATERMELON TWIST**

đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

+ *QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.*



1. The following information is required for the purpose of the audit:

 a. The name of the company and its registered office.

 b. The nature of the business of the company.

 c. The financial year of the company.

 d. The names and positions of the directors and officers of the company.

 e. The names and positions of the auditors of the company.

 f. The names and positions of the members of the company.

 g. The names and positions of the shareholders of the company.

 h. The names and positions of the creditors of the company.

 i. The names and positions of the employees of the company.

 j. The names and positions of the suppliers of the company.

 k. The names and positions of the customers of the company.

 l. The names and positions of the vendors of the company.

 m. The names and positions of the contractors of the company.

 n. The names and positions of the subcontractors of the company.

 o. The names and positions of the consultants of the company.

 p. The names and positions of the advisors of the company.

 q. The names and positions of the legal counsel of the company.

 r. The names and positions of the tax advisors of the company.

 s. The names and positions of the accountants of the company.

 t. The names and positions of the engineers of the company.

 u. The names and positions of the architects of the company.

 v. The names and positions of the lawyers of the company.

 w. The names and positions of the doctors of the company.

 x. The names and positions of the nurses of the company.

 y. The names and positions of the teachers of the company.

 z. The names and positions of the students of the company.

Sl. No.	Name of the Officer	Designation	Address
1	Mr. A. B. C.	Director	123 Main Street, New York, NY 10001
2	Mr. D. E. F.	Director	456 Park Avenue, New York, NY 10022
3	Mr. G. H. I.	Director	789 Broadway, New York, NY 10003
4	Mr. J. K. L.	Director	1010 Avenue of the Americas, New York, NY 10018
5	Mr. M. N. O.	Director	1212 West End Avenue, New York, NY 10020
6	Mr. P. Q. R.	Director	1414 East 86th Street, New York, NY 11418
7	Mr. S. T. U.	Director	1616 West 155th Street, New York, NY 11434
8	Mr. V. W. X.	Director	1818 East 24th Street, New York, NY 11376
9	Mr. Y. Z. A.	Director	2020 West 104th Street, New York, NY 11435
10	Mr. B. C. D.	Director	2222 East 57th Street, New York, NY 11418
11	Mr. E. F. G.	Director	2424 West 110th Street, New York, NY 11435



The following information is required for the purpose of the audit:

 a. The name of the company and its registered office.

 b. The nature of the business of the company.

 c. The financial year of the company.

 d. The names and positions of the directors and officers of the company.

 e. The names and positions of the auditors of the company.

 f. The names and positions of the members of the company.

 g. The names and positions of the shareholders of the company.

 h. The names and positions of the creditors of the company.

 i. The names and positions of the employees of the company.

 j. The names and positions of the suppliers of the company.

 k. The names and positions of the customers of the company.

 l. The names and positions of the vendors of the company.

 m. The names and positions of the contractors of the company.

 n. The names and positions of the subcontractors of the company.

 o. The names and positions of the consultants of the company.

 p. The names and positions of the advisors of the company.

 q. The names and positions of the legal counsel of the company.

 r. The names and positions of the tax advisors of the company.

 s. The names and positions of the accountants of the company.

 t. The names and positions of the engineers of the company.

 u. The names and positions of the architects of the company.

 v. The names and positions of the lawyers of the company.

 w. The names and positions of the doctors of the company.

 x. The names and positions of the nurses of the company.

 y. The names and positions of the teachers of the company.

 z. The names and positions of the students of the company.

This document is for the use of the Department of Public Health, New York City.

 It is not to be distributed outside the Department.



This document is for the use of the Department of Public Health, New York City.



NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ

1. Tên sản phẩm: **KẸO CAO SU TRIDENT SUGAR FREE GUM, WATERMELON TWIST**
2. Thành phần cấu tạo: Sorbitol, gum base, xylitol, glycerin, hương vị tự nhiên và nhân tạo, ít hơn 2%: Acesulfame potassium, Aspartame, BHT (để duy trì độ tươi), Mannitol, lecithin đậu nành, Red 40 Lake, Sucralose.
Phenylketonurics: chứa phenylalanine
. Sản phẩm có chứa: đậu nành
3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.
4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:
 - Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp sau khi mở bao bì
 - Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
5. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong giấy nhựa, bên ngoài hộp giấy quấn nilon, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế
 - Trọng lượng tịnh: 1.8g/thanh, 1.9g/thanh, 14 thanh/ gói, 12,14,15 gói/ hộp
6. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:
 - Xuất xứ: Hoa Kỳ
 - Sản xuất tại: Mondelez Global LLC.
 - Địa chỉ: East Hanover, NJ 07936 USA
 - Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên
Địa chỉ: 62 Phù Đổng, Phường Phước Tiến, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
Điện thoại: 0934901309



30% FEWER CALORIES THAN SUGARED GUM. CALORIE CONTENT OF THIS SIZE STICK HAS BEEN REDUCED FROM 5 TO 3 1/2 CALORIES.

Nutrition Facts	Amount/serving	% Daily Value	Amount/serving	% Daily Value
	14 servings per container	Total Fat 0g	0%	Total Sugars 0g
Serving size 1 stick (1.9 g)	Sodium 0mg	0%	Incl 0g Added Sugars	0%
Calories per serving <5	Total Carb 1g	0%	Sugar Alcohol 1g	
			Protein 0g	

Not a significant source of saturated fat, *trans* fat, cholesterol, dietary fiber, vitamin D, calcium, iron and potassium.

INGREDIENTS: SORBITOL, GUM BASE, XYLITOL, NATURAL AND ARTIFICIAL FLAVOR, GLYCERIN, LESS THAN 2% OF ACESULFAME POTASSIUM, ASPARTAME, BHT (TO MAINTAIN FRESHNESS), MANNITOL, RED 40 LAKE, SOY LECITHIN, SUCRALOSE.

PHENYLKETONURICS: CONTAINS PHENYLALANINE. CONTAINS SOY.

MONDELEZ GLOBAL LLC, EAST HANOVER, NJ 07936 USA
www.tridentgum.com COMMENTS? CALL 1-800-524-2854

BEST BEFORE

27 MAR 2021 RK27712711

0 12546 01113 6

VS PRIOR FORMULA



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 4862.20	Report date/ Ngày: 06-06-2020
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 1/ 2

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYỄN
 Address (Địa chỉ) : 62 Phù Đổng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
 Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Kẹo cao su Trident Sugar Free Gum, Watermelon Twist
 Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt
 Seal No (Số niêm) : Không niêm
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
 Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 01-06-2020
 Sample tested on (Ngày phân tích) : 01-06-2020

Code/ Mã mẫu	Name/ Tên mẫu	Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
4862.20 /1	Kẹo cao su Trident Sugar Free Gum, Watermelon Twist	Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**)	ISO 4833-1:2013	CFU/g	-	<10
		Coliforms (**)	ISO 4832:2006	CFU/g	-	<10
		<i>E. coli</i> (**)	ISO 16649-2:2001	CFU/g	-	<10
		<i>Staphylococcus aureus</i> (**)	ISO 6888-1:1999/Amd.1:2003	CFU/g	-	<10
		<i>Clostridium perfringens</i> (**)	ISO 7937:2004	CFU/g	-	<10
		<i>Bacillus cereus</i> (**)	ISO 7932:2004	CFU/g	-	<10
		Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (**)	ISO 21527-2:2008	CFU/g	-	<10
		Aflatoxin B1 (**)	TCVN 7596:2007	µg/kg	1.00	ND
		Aflatoxin tổng số (**)	TCVN 7596:2007	µg/kg	1.00	ND
		Cadimi (Cd) (**)	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND
		Chì (Pb) (**)	AOAC 999.11	mg/kg	0.016	ND

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 4862.20	Report date/ Ngày: 06-06-2020
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 2/ 2

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang



Hoàng Bá Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 05 /TNCB-AN /2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩmTên tổ chức, cá nhân: **Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng, Phường Phước Tiến, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

Email: annguyeninvestment@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201814817

II. Thông tin về sản phẩm1. Tên sản phẩm: **SỮA HẠNH NHÂN KIRKLAND SIGNATURE ORGANIC VANILLA ALMOND BEVERAGE**

2. Thành phần: Hạnh nhân nguồn gốc hữu cơ (Nước lọc, Hạnh nhân hữu cơ), Hương vị Vanilla hữu cơ, Muối biển, Lecithin hướng dương, Locust Bean Gum hữu cơ INS 410, Gellan Gum INS 418, Vitamin A Palmitate, Ergocalciferol (Vitamin D2), DL-Alpha-Tocopheryl Acetate (Vitamin E) Riboflavin (Vitamin B2)), Kẽm Gluconate, Cyanocobalamin (Vitamin B12).

Sản phẩm có chứa: Hạnh nhân.

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp giấy, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.

- Khối lượng tịnh: 200ml, 237ml, 259ml, 946ml, 1180ml, 3780ml /hộp

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Costco Wholesale Corp.

Địa chỉ: P.O. Box 34535 Seattle, WA 98124-1535 USA

III. Mẫu nhãn sản phẩm

- Nhãn chính, nhãn phụ đính kèm hồ sơ

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 6-2: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.



+ Các chỉ tiêu vi sinh vật

S/TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/ml	100
2	Coliforms	CFU/ml	10
3	E.coli	CFU/ml	Không được có
4	S. aureus	CFU/ml	Không được có
5	Streptococci faecal	CFU/ml	Không được có
6	Pseudomonas aeruginosa	CFU/ml	Không được có
7	Cl. perfringens	CFU/ml	Không được có
8	Tổng nấm men, nấm mốc	CFU/ml	10

+ Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Chì	mg/l	0,05

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Nha Trang, ngày 10 tháng 06 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Lâm Hoàng Nguyễn





NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ

1. Tên sản phẩm: **SỮA HẠNH NHÂN KIRKLAND SIGNATURE ORGANIC VANILLA ALMOND BEVERAGE**

2. Thành phần cấu tạo: Hạnh nhân nguồn gốc hữu cơ (Nước lọc, Hạnh nhân hữu cơ), Hương Vanilla hữu cơ, Muối biển, Lecithin hướng dương, Locust Bean Gum hữu cơ INS 410, Gellan Gum INS 418, Vitamin A Palmitate, Ergocalciferol (Vitamin D2), DL-Alpha-Tocopheryl Acetate (Vitamin E) Riboflavin (Vitamin B2)), Kẽm Gluconate, Cyanocobalamin (Vitamin B12).

Sản phẩm có chứa: Hạnh nhân

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng uống trực tiếp.
- Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp giấy, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.
- Khối lượng tịnh: 200ml, 237ml, 259ml, 946ml, 1180ml, 3780ml /hộp

6. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:

-Xuất xứ: Mỹ.

Sản xuất tại: Costco Wholesale Corp.

Địa chỉ: P.O. Box 34535 Seattle, WA 98124-1535 USA

- Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên

Địa chỉ: 62 Phù Đổng, Phường Phước Tiến, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309



KIRKLAND

— ORGANIC —
 UNSWEETENED
ALMOND
 NON-DAIRY BEVERAGE
Vanilla

30
 CALORIES PER SERVING



946mL (1 QT) 32 FL OZ

— ORGANIC —
 UNSWEETENED
ALMOND
 NON-DAIRY BEVERAGE
Vanilla

**BANANA
 BERRY
 & OAT
 SMOOTHIE**

1 cup almond vanilla beverage
 ½ cup frozen mixed berries
 ½ banana
 ½ cup quick oats

Blend ingredients.
 Serve chilled.
 Makes one serving.

Serving Suggestion



**BANANA
BERRY
& OAT
SMOOTHIE**

1 cup almond vanilla beverage
1/2 cup frozen mixed berries
1/2 cup plain yogurt
1/2 cup dates
Blend ingredients
Serve chilled
Makes one serving

**— ORGANIC —
UNSWEETENED
ALMOND
NON-DAIRY BEVERAGE
Vanilla**

30
CALORIES



946ml (32 FL OZ)





Nutrition Facts
 Serving Size About 1 cup (240mL)
 Servings Per Container About 4

Amount Per Serving	
Calories 30	Calories from Fat 30
	% Daily Value*
Total Fat 3g	5%
Saturated Fat 0g	0%
Trans Fat 0g	
Cholesterol 0g	0%
Sodium 110mg	5%
Potassium 35mg	1%
Total Carbohydrate 1g	0%
Dietary Fiber 1g	4%
Sugars 0g	
Protein 1g	
Vitamin A 10%	Vitamin C 0%
Calcium 2%	Iron 2%
Vitamin B2 25%	Vitamin B12 50%
Vitamin D 25%	Vitamin E 50%
Zinc 10%	

*Percent Daily Values are based on a 2,000 calorie diet. Your daily values may be higher or lower depending on your calorie needs:

	Calories	2,000	2,500
Total Fat	Less than	65g	80g
Sat. Fat	Less than	20g	25g
Cholesterol	Less than	300mg	300mg
Sodium	Less than	2,400mg	2,400mg
Potassium		3,500mg	3,500mg
Total Carbohydrate		300g	375g
Dietary Fiber		25g	30g

Calories per gram:
 Fat 9 • Carbohydrate 4 • Protein 4

INGREDIENTS: Organic Almond Base (Filtered Water, Organic Almonds), Organic Vanilla Flavor, Sea Salt, Sunflower Lecithin, Organic Locust Bean Gum, Gellan Gum, Vitamin A Palmitate, Ergocalciferol (Vitamin D2), DL-Alpha-Tocopheryl Acetate (Vitamin E), Riboflavin (Vitamin B2), Zinc Gluconate, Cyanocobalamin (Vitamin B12).

CONTAINS: Almonds

DISTRIBUTED BY: COSTCO WHOLESALE CORP.
 P.O. BOX 34535, SEATTLE, WA 98124-1535 USA
 1-800-774-2678 • WWW.COSTCO.COM

Certified Organic by: QAI
 PRODUCED IN THE USA
 FROM IMPORTED AND
 DOMESTIC INGREDIENTS
 NOT FOR USE AS AN INFANT FORMULA

SIMPLE GOODNESS

- 30 Calories per serving
- Vegan
- Free of dairy, lactose, soy
- No added sugar



Every Kirkland Signature product is guaranteed to meet or exceed the quality standards of the leading national brands. If you're not completely satisfied, your money will be refunded.



16KCS4796



GOODNESS
SIMPLE



No added sugar
Free of dairy, lactose, soy
Vegan
30 Calories per serving

KIRKLAND



0 9919 2200 8

Portion Size
Serving Size About 1 cup (240mL)
Servings Per Container About 4

Amount Per Serving
Calories 30, Calories from Fat 15
% Daily Value*

Total Fat	3g	6%
Saturated Fat	0g	0%
Trans Fat	0g	0%
Cholesterol	0g	0%
Sodium	10mg	2%
Total Carbohydrate	1g	2%
Dietary Fiber	0g	0%
Sugars	0g	0%

Vitamin E

Vitamin E	100%
Vitamin A	100%
Vitamin C	100%
Vitamin B1	100%
Vitamin B2	100%
Vitamin B3	100%
Vitamin B6	100%
Vitamin B12	100%
Folate	100%
Calcium	100%
Iron	100%
Zinc	100%
Copper	100%
Manganese	100%
Selenium	100%
Chromium	100%
Molybdenum	100%
Potassium	100%
Magnesium	100%
Phosphorus	100%
Sulfur	100%
Silicon	100%
Vanadium	100%
Cobalt	100%
Nickel	100%
Boron	100%
Strontium	100%
Barium	100%
Lead	100%
Aluminum	100%
Chlorine	100%
Fluorine	100%
Iodine	100%
Bromine	100%
Antimony	100%
Tellurium	100%
Mercury	100%
Cadmium	100%
Platinum	100%
Gold	100%
Silver	100%
Copper	100%
Zinc	100%
Iron	100%
Lead	100%
Aluminum	100%
Chlorine	100%
Fluorine	100%
Iodine	100%
Bromine	100%
Antimony	100%
Tellurium	100%
Mercury	100%
Cadmium	100%
Platinum	100%
Gold	100%
Silver	100%

*Percent Daily Values are based on a diet of other people's secrets.

INGREDIENTS: Organic Soybean Meal, Organic Soybean Oil, Organic Soybean Lecithin, Organic Soybean Protein Isolate, Organic Soybean Fiber, Organic Soybean Flour, Organic Soybean Bran, Organic Soybean Hulls, Organic Soybean Meal, Organic Soybean Oil, Organic Soybean Lecithin, Organic Soybean Protein Isolate, Organic Soybean Fiber, Organic Soybean Flour, Organic Soybean Bran, Organic Soybean Hulls.

CONTAINS SOY.

© 2010 KIRKLAND SIGNATURE. ALL RIGHTS RESERVED.

MADE IN THE USA.

FOR MORE INFORMATION, VISIT US AT WWW.KIRKLAND.COM



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 4862.20	Report date/ Ngày: 06-06-2020
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 1/ 2

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYỄN
 Address (Địa chỉ) : 62 Phù Đổng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
 Information provided by applicant : Sữa hạnh nhân Kirkland Signature Organic Vanilla Almond Beverage
 (Thông tin được khách hàng cung cấp)
 Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt
 Seal No (Số niêm) : Không niêm
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
 Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 01-06-2020
 Sample tested on (Ngày phân tích) : 01-06-2020

Code/ Mã mẫu	Name/ Tên mẫu	Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
4862.20 17	Sữa hạnh nhân Kirkland Signature Organic Vanilla Almond Beverage	Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**)	ISO 4833-1:2013	CFU/ml	-	<1
		<i>E. coli</i> (**)	ISO 16649-2:2001	CFU/ml	-	<1
		Coliforms (**)	ISO 4832:2006	CFU/ml	-	<1
		<i>Staphylococcus aureus</i> (**)	ISO 6888-1:1999/Amd.1:2003	CFU/ml	-	<1
		<i>Streptococci fecal</i>	NMKL 68-5.ed:2011	CFU/ml	-	<1
		<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	MKL-HS 16.3 Ref.ISO 13720:1992	CFU/ml	-	<1
		<i>Clostridium perfringens</i> (**)	ISO 7937:2004	CFU/ml	-	<1
		Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (**)	ISO 21527-1:2008	CFU/ml	-	<1
		Chì (Pb) (**)	AOAC 999.11	mg/L	0.0025	ND

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 4862.20	Report date/ Ngày: 06-06-2020
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 2/ 2

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted./ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang



On behalf of NHO-QSCert
Đại diện NHO-QSCert



Hoàng Bá Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 06 / TNCB-AN /2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩmTên tổ chức, cá nhân: **Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng, Phường Phước Tiến, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

Email: annguyeninvestment@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201814817

II. Thông tin về sản phẩm**1. Tên sản phẩm: SỮA HẠNH NHÂN KIRKLAND SIGNATURE ALMOND NON-DAIRY BEVERAGE, UNSWEETENED.**

2. Thành phần: Hạnh nhân (Nước lọc, Hạnh nhân), Calcium Carbonate, Muối biển, Lecithin hướng dương, Locust Bean Gum hữu cơ INS 410, Gellan Gum INS 418, Vitamin A Palmitate, Ergocalciferol (Vitamin D2), DL-Alpha-Tocopheryl Acetate (Vitamin E) Riboflavin (Vitamin B2)), Kẽm Gluconate, Cyanocobalamin (Vitamin B12).

Sản phẩm có chứa: Hạnh nhân.

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp giấy, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.

- Khối lượng tịnh: 200ml, 237ml, 259ml, 946ml, 1180ml, 3780ml /hộp

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Costco Wholesale Corp.

Địa chỉ: P.O. Box 34535 Seattle, WA 98124-1535 USA

III. Mẫu nhãn sản phẩm

- Nhãn chính, nhãn phụ đính kèm hồ sơ

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 6-2: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.



+ Các chỉ tiêu vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/ml	100
2	Coliforms	CFU/ml	10
3	E.coli	CFU/ml	Không được có
4	S. aureus	CFU/ml	Không được có
5	Streptococci faecal	CFU/ml	Không được có
6	Pseudomonas aeruginosa	CFU/ml	Không được có
7	Cl. perfringens	CFU/ml	Không được có
8	Tổng nấm men, nấm mốc	CFU/ml	10

+ Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Chì	mg/l	0,05

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Nha Trang, ngày 10 tháng 06 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Lâm Hoàng Nguyễn





NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ

1. Tên sản phẩm: **SỮA HẠNH NHÂN KIRKLAND SIGNATURE ALMOND NON-DAIRY BEVERAGE, UNSWEETENED**

2. Thành phần cấu tạo: Hạnh nhân (Nước lọc, Hạnh nhân), Calcium Carbonate, Muối biển, Lecithin hướng dương, Locust Bean Gum hữu cơ INS 410, Gellan Gum INS 418, Vitamin A Palmitate, Ergocalciferol (Vitamin D2), DL-Alpha-Tocopheryl Acetate (Vitamin E) Riboflavin (Vitamin B2)), Kẽm Gluconate, Cyanocobalamin (Vitamin B12).

Sản phẩm có chứa: Hạnh nhân

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng uống trực tiếp.
- Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp giấy, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.
- Khối lượng tịnh: 200ml, 237ml, 259ml, 946ml, 1180ml, 3780ml /hộp

6. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:

- Xuất xứ: Mỹ.

Sản xuất tại: Costco Wholesale Corp.

Địa chỉ: P.O. Box 34535 Seattle, WA 98124-1535 USA

- Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên

Địa chỉ: 62 Phù Đổng, Phường Phước Tiến, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309







Nutrition Facts

4 servings per container
Serving size 1 cup (240mL)

Amount per serving
Calories 30

	% Daily Value*
Total Fat 2.5g	4%
Saturated Fat 0.0g	0%
Trans Fat 0g	
Polyunsaturated Fat 0.5g	
Monounsaturated Fat 1.5g	
Cholesterol 0mg	0%
Sodium 110mg	5%
Total Carbohydrate 1g	0%
Dietary Fiber 1g	4%
Total Sugars 0g	
Includes 0g Added Sugars	0%
Protein 1g	0%
Vitamin D 5mcg	25%
Calcium 800mg	45%
Iron 0.35mg	2%
Potassium 35mg	1%
Vitamin A 90mcg	10%
Zinc 1.1mg	10%
Vitamin E 7.5mg α-tocopherol	50%
Riboflavin (B2) 0.35mg	25%
Vitamin B ₆ 1.2mg	50%

*The % Daily Values (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.

Calories per gram:
Fat 9 • Carbohydrate 4 • Protein 4

INGREDIENTS: Almond Base, (Filtered Water, Almonds, Calcium Carbonate, Sea Salt, Sunflower Lecithin, Locust Bean Gum, Inulin Gum, Vitamin A Palmitate, Ergocaliferol (Vitamin D2), D1-Alpha-Tocopherol (Vitamin E), Riboflavin (Vitamin B2), Zinc Silicocholate, Cyanocobalamin (Vitamin B12)). **CONTAINS: ALMONDS**

Distributed by: Costco Wholesale Corporation
P.O. Box 34035 Seattle, WA 98124-1535, USA
1-800-774-2673 • www.costco.com
PRODUCED IN THE USA
FROM IMPORTED AND DOMESTIC INGREDIENTS

Consumers with food allergies and food sensitivities, please read the ingredient statement carefully.

- 30 CALORIES PER SERVING
- VEGAN
- FREE OF DAIRY, LACTOSE, SOY
- NO ADDED SUGAR

ORIGINAL UNSWEETENED

MADE IN THE USA

KIRKLAND
Signature

If you're not completely satisfied with this Kirkland Signature product, your money will be refunded.

NOT FOR USE AS AN INFANT FORMULA

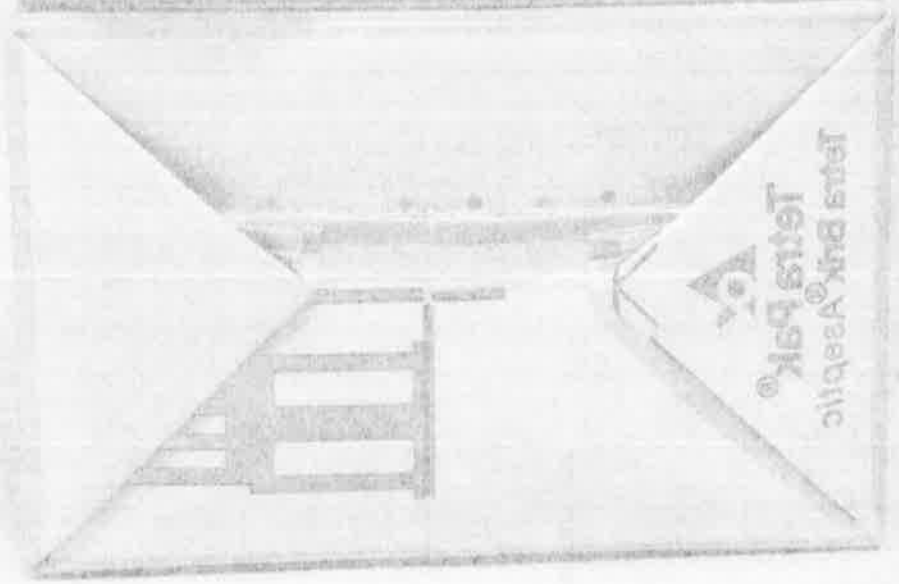
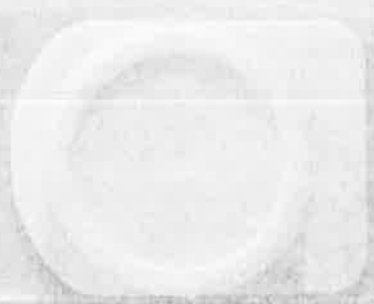






BEST IF USED BY:

APR 14 2001
1030X102A
025871 1323



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 4862.20	Report date/ Ngày: 06-06-2020
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 1/ 2

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYỄN
Address (Địa chỉ) : 62 Phù Đổng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Information provided by applicant : Sữa hạnh nhân Kirkland Signature Almond Non-Dairy Beverage, Unsweetened

(Thông tin được khách hàng cung cấp)

Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt

Seal No (Số niêm) : Không niêm

Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu

Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 01-06-2020

Sample tested on (Ngày phân tích) : 01-06-2020

Code/ Mã mẫu	Name/ Tên mẫu	Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
4862.20 /6	Sữa hạnh nhân Kirkland Signature Almond Non-Dairy Beverage, Unsweetened	Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**)	ISO 4833-1:2013	CFU/ml	-	<1
		<i>E. coli</i> (**)	ISO 16649-2:2001	CFU/ml	-	<1
		Coliforms (**)	ISO 4832:2006	CFU/ml	-	<1
		<i>Staphylococcus aureus</i> (**)	ISO 6888-1:1999/Amd.1:2003	CFU/ml	-	<1
		<i>Streptococci fecal</i>	NMKL 68-5.ed:2011	CFU/ml	-	<1
		<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	MKL-HS 16.3 Ref.ISO 13720:1992	CFU/ml	-	<1
		<i>Clostridium perfringens</i> (**)	ISO 7937:2004	CFU/ml	-	<1
		Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (**)	ISO 21527-1:2008	CFU/ml	-	<1
		Chì (Pb) (**)	AOAC 999.11	mg/L	0.0025	ND

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 4862.20	Report date/ Ngày: 06-06-2020
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 2/ 2

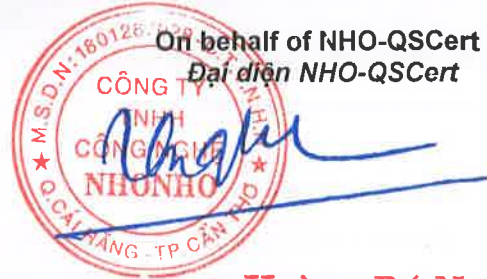
Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang



On behalf of NHO-QSCert
Đại diện NHO-QSCert



Hoàng Bá Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 07 / TNCB-AN /2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩmTên tổ chức, cá nhân: **Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng, Phường Phước Tiến, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

Email: annguyeninvestment@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201814817

II. Thông tin về sản phẩm1. Tên sản phẩm: **SỮA YẾN MẠCH ORGANIC NON-DAIRY OAT BEVERAG**

2. Thành phần: Yến mạch nguồn gốc hữu cơ (Nước lọc, bột yến mạch hữu cơ), dầu hương dương hữu cơ, Calcium carbonate, Hương hữu cơ tự nhiên, Muối biển, Vitamin A Palmitate, Ergocalciferol (Vitamin D2), Riboflavin (Vitamin B2), Cyanocobalamin (Vitamin B12).

Sản phẩm có chứa: Yến mạch.

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp giấy, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.

- Khối lượng tịnh: 200ml, 237ml, 259ml, 946ml, 1180ml, 3780ml /hộp

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Costco Wholesale Corp.

Địa chỉ: P.O. Box 34535 Seattle, WA 98124-1535 USA

III. Mẫu nhãn sản phẩm

- Nhãn chính, nhãn phụ đính kèm hồ sơ

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 6-2: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.



+ Các chỉ tiêu vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/ml	100
2	Coliforms	CFU/ml	10
3	E.coli	CFU/ml	Không được có
4	S. aureus	CFU/ml	Không được có
5	Streptococci faecal	CFU/ml	Không được có
6	Pseudomonas aeruginosa	CFU/ml	Không được có
7	Cl. perfringens	CFU/ml	Không được có
8	Tổng nấm men, nấm mốc	CFU/ml	10

+ Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Chì	mg/l	0,05

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Nha Trang, ngày 10 tháng 06 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Lâm Hoàng Nguyên





NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ

1. Tên sản phẩm: **SỮA YÊN MẠCH ORGANIC NON-DAIRY OAT BEVERAG**

2. Thành phần cấu tạo: Yến mạch nguồn gốc hữu cơ (Nước lọc, bột yến mạch hữu cơ), dầu hướng dương hữu cơ, Calcium carbonate, Hương hữu cơ tự nhiên, Muối biển, Vitamin A Palmitate, Ergocalciferol (Vitamin D2), Riboflavin (Vitamin B2), Cyanocobalamin (Vitamin B12).

Sản phẩm có chứa: Yến mạch

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng uống trực tiếp.
- Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp giấy, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.
- Khối lượng tịnh: 200ml, 237ml, 259ml, 946ml, 1180ml, 3780ml /hộp

6. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:

- Xuất xứ: Mỹ.

Sản xuất tại: Costco Wholesale Corp.

Địa chỉ: P.O. Box 34535 Seattle, WA 98124-1535 USA

- Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên

Địa chỉ: 62 Phù Đổng, Phường Phước Tiến, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309







Nutrition Facts

1 servings per container
Serving size 1 cup (240mL)

Amount per serving
Calories 120

% Daily Value*

Total Fat	5g	6%
Saturated Fat	0.5g	1%
Trans Fat	0g	
Cholesterol	0mg	0%
Sodium	95mg	5%
Total Carbohydrate	16g	6%
Dietary Fiber	2g	7%
Total Sugars	7g	
Includes 7g Added Sugars		14%
Protein	3g	
Vitamin D	3.5mg	20%
Calcium	390mg	30%
Iron	0.35mg	2%
Potassium	50mg	2%
Vitamin A	90mcg	10%
Riboflavin	0.30mg	25%
Vitamin B ₁₂	0.8mcg	25%

*The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.

Calories per gram:
Fat 9 • Carbohydrate 4 • Protein 4

INGREDIENTS: ORGANIC OAT BASE (FILTERED WATER, ORGANIC ROLLED OAT FLOUR), ORGANIC SUNFLOWER OIL, CALCIUM CARBONATE, ORGANIC NATURAL FLAVORS, SUNFLOWER LECITHIN, SEA SALT, VITAMIN A PALMITATE, ERGOCALCIFEROL (VITAMIN D2), RIBOFLAVIN (VITAMIN B2), CYANOCOBALAMIN (VITAMIN B12).

Distributed by: Costco Wholesale Corporation
P.O. Box 34535 Seattle, WA 98124-1535, USA
1-800-774-2678 • www.costco.com

Certified Organic by: QAI
**PRODUCED IN THE USA
FROM IMPORTED AND
DOMESTIC INGREDIENTS**



Consumers with food allergies and food sensitivities, please read the ingredient statement carefully.

• 20g ROLLED OATS
IN EVERY SERVING

• 100% VEGAN

• LACTOSE FREE

• DAIRY FREE

• NO NUTS



0 96619 23749 4

NOT FOR USE AS AN INFANT FORMULA





BEST IF USED BY:

APR 29 2001
1501500C 155 05 05:35

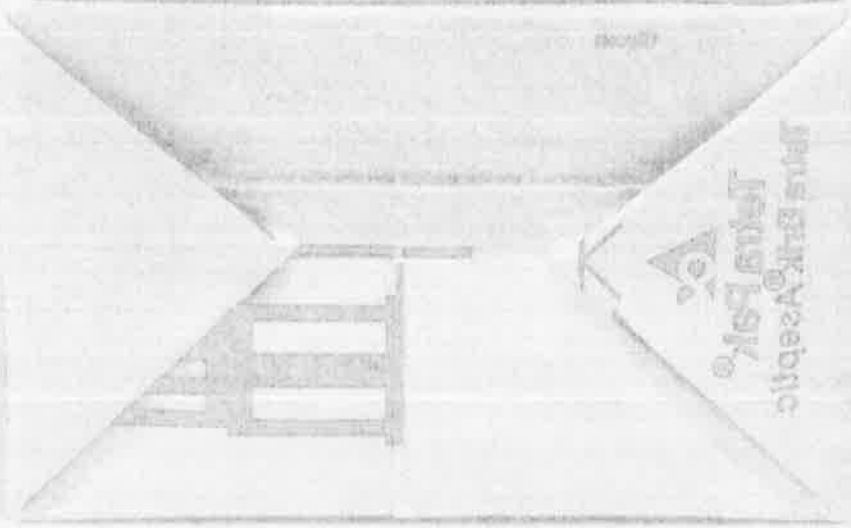


BREAK SEAL

- DO NOT FREEZE
- DAYS AFTER OPENING
- CONSUME WITHIN 7 TO 10
- REFRIGERATE AFTER OPENING
- SHAKE WELL

Twist Cap

1501500C



Plus B-K® Aseptic
Liquid Soy®

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 4862.20	Report date/ Ngày: 06-06-2020
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 1/ 2

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYỄN
 Address (Địa chỉ) : 62 Phù Đổng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
 Information provided by applicant : Sữa yến mạch Organic Non-Dairy Oat Beverag
 (Thông tin được khách hàng cung cấp)
 Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt
 Seal No (Số niêm) : Không niêm
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
 Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 01-06-2020
 Sample tested on (Ngày phân tích) : 01-06-2020

Code/ Mã mẫu	Name/ Tên mẫu	Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
4862.20 /5	Sữa yến mạch Organic Non- Dairy Oat Beverag	Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**)	ISO 4833-1:2013	CFU/ml	-	<1
		<i>E. coli</i> (**)	ISO 16649-2:2001	CFU/ml	-	<1
		Coliforms (**)	ISO 4832:2006	CFU/ml	-	<1
		<i>Staphylococcus aureus</i> (**)	ISO 6888- 1:1999/Amd.1:2003	CFU/ml	-	<1
		<i>Streptococci fecal</i>	NMKL 68- 5.ed:2011	CFU/ml	-	<1
		<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	MKL-HS 16.3 Ref.ISO 13720:1992	CFU/ml	-	<1
		<i>Clostridium perfringens</i> (**)	ISO 7937:2004	CFU/ml	-	<1
		Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (**)	ISO 21527-1:2008	CFU/ml	-	<1
		Chi (Pb) (**)	AOAC 999.11	mg/L	0.0025	ND

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 4862.20	Report date/ Ngày: 06-06-2020
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 2/ 2

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang



On behalf of NHO-QSCert
Đại diện NHO-QSCert



Hoàng Bá Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 08 / TNCB-AN /2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩmTên tổ chức, cá nhân: **Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyên**

Địa chỉ: 62 Phù Đổng, Phường Phước Tiến, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 0934901309

Email: annguyeninvestment@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201814817

II. Thông tin về sản phẩm1. Tên sản phẩm: **BỘT NÊM VỊ RAU CỦ KNORR SELECT SOUP BASE, VEGETABLE**

2. Thành phần: Muối, đường, dầu đậu nành, bột hành tây, tinh bột ngô, đạm ngô thủy phân, maltodextrin, bột tỏi, màu nghệ INS 100 (màu), gia vị, nước ép cà rốt cô đặc, Calcium Silicate (chất chống vón cục), hương vị rau củ tự nhiên, màu caramel INS 150c (có chứa sulfite), chất điều vị disodium guanylate INS 627, chất điều vị Disodium inosinate INS 631, acid Citric.

3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp nhựa PE, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.

- Khối lượng tịnh: 0.06kg, 0.066kg, 0.827kg, 0.088kg, 0.096kg, 0.108kg, 0.15kg, 0.175kg, 0.225kg, 0.227kg, 0.45kg, 0.454kg, 1kg, 1.23kg, 1.36kg, 1.5kg, 2kg, 3.6kg, 4.54kg, 11.34kg, / túi/hộp.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: ©UNILEVER

Địa chỉ: Englewood Cliffs, NJ 07632 USA

III. Mẫu nhãn sản phẩm

- Nhãn chính, nhãn phụ đính kèm hồ sơ

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn-kỹ thuật Quốc gia số:

+ 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm:



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2	Coliforms	CFU/g	10 ²
3	E.coli	MPN/g	3
4	S.aureus	CFU/g	10 ²
5	Salmonella	/25g	Không có
6	Tổng số nấm mốc - nấm men	CFU/g	10 ²

+ QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	As	mg/kg	5,0
2	Cd	mg/kg	1,0
3	Pb	mg/kg	2,0
4	Hg	mg/kg	0,05

+ QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4,0
3	Ochratoxin A	µg/kg	3,0

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Nha Trang, ngày 10 tháng 06 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Lâm Hoàng Nguyễn





NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ

1. Tên sản phẩm: **BỘT NÊM VỊ RAU CỦ KNORR SELECT SOUP BASE, VEGETABLE**
2. Thành phần cấu tạo: Muối, đường, dầu đậu nành, bột hành tây, tinh bột ngô, đạm ngô thủy phân, maltodextrin, bột tỏi, màu nghệ INS 100 (màu), gia vị, nước ép cà rốt cô đặc, Calcium Silicate (chất chống vón cục), hương vị rau củ tự nhiên, màu caramel INS 150c (có chứa sulfite), chất điều vị disodium guanylate INS 627, chất điều vị Disodium inosinate INS 631, acid Citric.
3. Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.
4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:
 - Hướng dẫn sử dụng: làm gia vị cho các món ăn.
 - Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
5. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp nhựa PE, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của bộ Y tế.
 - Khối lượng tịnh: 0.06kg, 0.066kg, 0.827kg, 0.088kg, 0.096kg, 0.108kg, 0.15kg, 0.175kg, 0.225kg, 0.227kg, 0.45kg, 0.454kg, 1kg, 1.23kg, 1.36kg, 1.5kg, 2kg, 3.6kg, 4.54kg, 11.34kg, / túi/hộp.
6. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:
 - Xuất xứ: Mỹ.
 - Sản xuất tại: ©UNILEVER
 - Địa chỉ: Englewood Cliffs, NJ 07632 USA
 - Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư An Nguyễn
Địa chỉ: 62 Phù Đổng, Phường Phước Tiến, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
Điện thoại: 0934901309







TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 4862.20	Report date/ Ngày: 06-06-2020
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 1/ 2

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ AN NGUYỄN
 Address (Địa chỉ) : 62 Phù Đổng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
 Information provided by applicant : Bột nêm vị rau củ Knorr Select Soup Base, Vegetable
 (Thông tin được khách hàng cung cấp)
 Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong thùng cách nhiệt
 Seal No (Số niêm) : Không niêm
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
 Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 01-06-2020
 Sample tested on (Ngày phân tích) : 01-06-2020

Code/ Mã mẫu	Name/ Tên mẫu	Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
4862.20 /4	Bột nêm vị rau củ Knorr Select Soup Base, Vegetable	Tổng số vi khuẩn hiếu khí (**)	ISO 4833-1:2013	CFU/g	-	<10
		Coliforms (**)	ISO 4832:2006	CFU/g	-	<10
		<i>E. coli</i> (**)	ISO 16649-2:2001	CFU/g	-	<10
		<i>Staphylococcus aureus</i> (**)	ISO 6888-1:1999/Amd.1:2003	CFU/g	-	<10
		Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (**)	ISO 21527-2:2008	CFU/g	-	<10
		<i>Salmonella</i> spp. (**)	ISO 6579-1:2017	Định tính/25g	-	ND
		Aflatoxin B1 (**)	TCVN 7596:2007	µg/kg	1.00	ND
		Aflatoxin tổng số (**)	TCVN 7596:2007	µg/kg	1.00	ND
		Ochratoxin A (**)	TCVN 9724:2013	µg/kg	1.00	ND
		Asen (As) (**)	AOAC 986.15	mg/kg	0.01	ND
		Cadimi (Cd) (**)	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND
		Chì (Pb) (**)	AOAC 999.11	mg/kg	0.016	ND
		Thủy ngân (Hg) (**)	AOAC 971.21	mg/kg	0.01	ND

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

JOB No./ Số phiếu yêu cầu phân tích: 4862.20	Report date/ Ngày: 06-06-2020
Doc. code/ Mã số tài liệu: MKL-TT04-BM01	Page/ Trang: 2/ 2

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (**) Parameter is accredited ISO17025 or recognized by Vietnamese government/ Chỉ tiêu được công nhận ISO17025 hoặc được chỉ định các Bộ chuyên ngành.
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO-QSCert Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO-QSCert
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO-QSCert is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO-QSCert

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Phạm Thị Hồng Trang



Hoàng Bá Nghị